

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2024/HS-PT

Ngày: 28/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền và ông Nguyễn Xuân Trường.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông **Đỗ Văn Đ** - Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2024/TLPT-HS ngày 28/5/2024 đối với bị cáo **Đỗ Minh T**, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2024/HS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Bị cáo kháng cáo:

Đỗ Minh T, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: **Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương**; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đỗ Huy T1** và bà **Nguyễn Thị T2**; chồng là **Tăng Bá T3**; có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; là Đảng viên ĐVĐCS Việt Nam, đang bị tạm đình chỉ sinh hoạt; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 23/8/2023 đến nay, tại Trại tạm giam **Công an tỉnh H** (có mặt tại phiên tòa).

* *Người bào chữa cho bị cáo T:* Ông **Trần Tuấn A** - Luật sư **Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố H** (có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh **Nguyễn Trung V**, chị **Vương Thị T4**, anh **Phan Trung K**, anh **Nguyễn Lê C**, chị **Hà Thị Hồng Á**, chị **Nguyễn Thị H**, chị **Nguyễn Thị L**, chị **Lê Thị T5** (đều vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Minh T ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với công ty cổ phần S1 từ ngày 01/8/2018 (công ty do anh Nguyễn Trung V là tổng giám đốc) và trực tiếp làm việc tại Chi nhánh công ty cổ phần S1 tại Hải Dương - nhà máy H4, địa chỉ: K, quốc lộ A, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. T được anh V phân công làm công tác văn phòng, kế toán của công ty cổ phần S1, kiêm nhiệm các công việc lập hồ sơ đăng ký bản công bố các sản phẩm từ sữa dạng bột (thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, thực phẩm dinh dưỡng y học...) tại các trung tâm dịch vụ hành chính công và kiểm soát thủ tục hành chính, các chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm cho công ty S1 và một số công ty khác do Nguyễn Trung V quản lý, điều hành, trong đó có Công ty cổ phần S2 - nhà máy M.

Quy trình làm hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm như sau: Khách hàng liên hệ với anh V, sau đó anh V chuyển thông tin khách hàng cho T hoặc T trực tiếp nhận yêu cầu từ khách hàng và báo lại cho V. Sau đó, T lập nhóm zalo gồm T, V, khách hàng và một số nhân viên khác để trao đổi về thông tin sản phẩm (tên sản phẩm, yêu cầu công dụng, thành phần sản phẩm...), tiếp đó Thu nhận chỉ đạo của V và khách hàng, gửi mẫu đi kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn tại Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc gia hoặc đơn vị khác có chức năng kiểm nghiệm và liên hệ đơn vị thiết kế nhãn sản phẩm (nhãn dự kiến). Sau khi có Phiếu kết quả kiểm nghiệm, V chỉ đạo xây dựng hồ sơ đăng ký công bố sản phẩm, rồi T mang đến Trung tâm dịch vụ hành chính công và kiểm soát thủ tục hành chính Hưng Yên để nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm. Hồ sơ gồm: Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ (bản chính hoặc bản sao chứng thực); Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (bản sao có chứng thực); Bản tự công bố sản phẩm; Tiêu chuẩn sản xuất; Bằng chứng khoa học chứng minh công dụng sản phẩm. Khi có kết quả là Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, T sẽ thông báo cho khách hàng, thêm số giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố vào nhãn sản phẩm để in lon hoặc in nhãn và sản xuất theo đặt hàng của khách hàng.

Trong thời gian từ tháng 9/2021 đến tháng 7/2022, quá trình làm các hồ sơ đăng ký công bố sản phẩm của Công ty cổ phần S2 - nhà máy M, do ảnh hưởng của dịch Covid 19, việc kiểm nghiệm sản phẩm tại Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc gia kéo dài, chậm có kết quả kiểm nghiệm hoặc do nhu cầu của khách hàng đổi tên sản phẩm nên T đã làm giả các phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc gia và nộp các hồ sơ đăng ký

bản công bố sản phẩm (trong đó có các phiếu kết quả giả trên) tại Trung tâm D3 và kiểm soát thủ tục hành chính Hưng Yên.

Cách thức làm giả: T sử dụng Phiếu kết quả kiểm nghiệm do Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia cấp cho sản phẩm khác rồi phô tô thành 01 bản, sau đó T sử dụng máy vi tính thực hiện việc soạn, in ra đoạn văn bản theo mong muốn có kiểu chữ, cỡ chữ giống với phiếu kết quả kiểm nghiệm thật, tiếp tục dùng kéo cắt phần nội dung văn bản vừa soạn thảo ra rồi dùng keo dán đè lên phần nội dung muốn thay đổi ở Phiếu kết quả kiểm nghiệm đã phô tô trước đó và tiếp tục mang đi phô tô lại thành một bản phiếu kết quả kiểm nghiệm phô tô hoàn chỉnh. Sau đó, T mang phiếu đã được cắt dán thay đổi nội dung đi chứng thực tại các UBND xã Đ, huyện N và UBND phường C, thành phố C. Cán bộ tư pháp hộ tịch không thực hiện đầy đủ việc kiểm tra, đối chiếu tài liệu phô tô với tài liệu gốc nên đã làm thủ tục chứng thực tài liệu cho T. Sau đó T sử dụng các tài liệu giả trên nộp hồ sơ tại Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh D3 để đăng ký bản công bố sản phẩm. Cụ thể:

1. Đối với tài liệu giả là phiếu kết quả kiểm nghiệm số 25554/PKN-VKNQG ngày 31/8/2021, tên mẫu “The Beautiful Life sữa non”: Ngày 31/8/2021, V nhấn tin chỉ đạo T làm hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm. T đã gửi mẫu qua đường bưu điện đến Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia để kiểm nghiệm và ngày 06/9/2021, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia đã nhận được mẫu kiểm nghiệm sản phẩm này. Đến ngày 14/9/2021, V tiếp tục nhấn tin giục T đi Hưng Yên (Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh H) để lấy bản công bố nhưng T nhấn lại là chưa có kết quả kiểm nghiệm, sau đó theo T khai là V chỉ đạo và hướng dẫn T làm giả phiếu kết quả kiểm nghiệm bằng cách photo shop từ phiếu kết quả kiểm nghiệm thật, thay thông tin sản phẩm cần công bố rồi in màu ra để nộp vào hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm và T đã thực hiện theo sự chỉ đạo của V. Ngày 17/9/2021, T nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm cho sản phẩm “The Beautiful Life sữa non” tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm dịch vụ hành chính công và kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Hưng Yên. Sau đó, anh Nguyễn Minh C1, nhân viên Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh H phát hiện Phiếu kiểm nghiệm in màu là không đúng quy định nên yêu cầu T nộp bản gốc hoặc bản chứng thực để thay thế. Thấy việc chỉnh sửa và in màu dễ bị phát hiện, T nghĩ ra cách làm giả tài liệu bằng cách phô tô, cắt dán, chỉnh sửa thông tin từ phiếu kết quả kiểm nghiệm chuẩn rồi đem đi chứng thực.

Ngày 20/9/2021, T sử dụng bản phô tô phiếu kết quả kiểm nghiệm số 25554/PKN-VKNQG cấp ngày 31/8/2021 được Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia cấp cho sản phẩm “Strong men Plus” cắt dán thay đổi

phần tên mẫu từ “Strong men Plus” thành “The Beautiful Life Sữa non”; cắt dán thay đổi phần mã số mẫu từ “08217205/DV” thành “09217486/DV”, các nội dung khác giữ nguyên. Sau đó, **T** phô tô lại thành phiếu kết quả kiểm nghiệm số 25554/PKN-VKNQG ngày 31/8/2021 cho sản phẩm “The Beautiful Life sữa non” và cùng ngày mang đi chứng thực tại **UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương**. Sau đó, **T** đổi bản sao chứng thực Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 25554/PKN-VKNQG ngày 31/8/2021 cho sản phẩm “The Beautiful Life Sữa non” vào hồ sơ đã nộp ngày 17/9/2021, nhận lại Phiếu kết quả kiểm nghiệm in màu và đã xé huỷ phiếu kiểm nghiệm này. Ngày 24/9/2021, **Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh H** cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm số 40/2021/ĐKSP cho sản phẩm The Beautiful Life sữa non. Trong khi đó, ngày 20/9/2021, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia mới cấp Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 27125/PKN-VKNQG cho sản phẩm “The Beautiful Life Sữa non” và gửi trả kết quả về cho **T** qua đường bưu điện.

2. Đối với tài liệu giả là Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 25554/PKN-VKNQG, ngày 31/8/2021 tên mẫu “Ossa Plus”: **T** đã gửi mẫu qua đường bưu điện đến Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia để kiểm nghiệm và ngày 06/9/2021, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia đã nhận được mẫu kiểm nghiệm sản phẩm này. Do chậm có kết quả kiểm nghiệm, ngày 20/9/2021, **T** cũng làm giả phiếu kết quả kiểm nghiệm cho sản phẩm này bằng cách: sử dụng bản phô tô phiếu kết quả kiểm nghiệm số 25554/PKN-VKNQG cấp ngày 31/8/2021 được Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia cấp cho sản phẩm “Strong men Plus” cắt dán thay đổi phần tên mẫu từ “Strong men Plus” thành “Ossa Plus”; cắt dán thay đổi phần mã số mẫu từ “08217205/DV” thành “09217489/DV”, các nội dung khác giữ nguyên. Sau đó, **T** phô tô lại thành Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 25554/PKN-VKNQG, ngày 31/8/2021 cho sản phẩm Ossa Plus và cùng ngày mang Phiếu kết quả kiểm nghiệm phô tô trên đi chứng thực và được **UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương** chứng thực. Trong ngày 20/9/2021, **T** sử dụng Phiếu kết quả kiểm nghiệm giả trên đi nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm tại **Trung tâm D3** và kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Hưng Yên. Ngày 24/09/2021, **Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh H** cấp giấy tiếp nhận đăng ký công bố sản phẩm số 49/2021/ĐKSP cho sản phẩm Ossa Plus. Trong khi đó, ngày 20/9/2021, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia mới cấp Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 27144/PKN-VKNQG cho sản phẩm Ossa Plus và gửi trả kết quả về cho **T** qua đường bưu điện.

3. Đối với tài liệu giả là Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 32393/PKN-VKNQG, ngày 20/10/2021 tên mẫu “**Hi Sắc Xuân C2**”: **T** đã gửi mẫu qua đường bưu điện đến Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia để kiểm

nghiệm và ngày 02/11/2021 Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia có nhận mẫu kiểm nghiệm sản phẩm này. Tuy nhiên ngày 29/10/2021, **T** làm giả Phiếu kết quả kiểm nghiệm cho sản phẩm trên bằng cách sử dụng bản phô tô phiếu kết quả kiểm nghiệm số 32393/PKN-VKNQG cấp ngày 20/10/2021 được Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia cấp cho sản phẩm “Goodlac Diabetex” cắt dán thay đổi phần tên mẫu từ “Goodlac Diabetex” thành “Hi Sắc Xuân Collagen”, các nội dung khác giữ nguyên. Sau đó **T** phô tô thành Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 32393/PKN-VKNQG, ngày 20/10/2021 cho sản phẩm “Hi Sắc Xuân Collagen” và cùng ngày mang bản phô tô Phiếu kết quả kiểm nghiệm trên đi chứng thực tại **UBND phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương**. Ngày 01/11/2021, **T** sử dụng Phiếu kết quả kiểm nghiệm giả trên đi nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm tại **Trung tâm D3** và kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Hưng Yên. Ngày 08/11/2021, **Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh H** cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm số 74/2021/ĐKSP. Trong khi đến ngày 11/11/2021, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia mới cấp Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 36431/PKN-VKNQG cho sản phẩm trên.

4. Đối với tài liệu giả là Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 32393/PKN-VKNQG, ngày 20/10/2021 tên mẫu “Premium ECSP”: **T** đã gửi mẫu qua đường bưu điện đến Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia để kiểm nghiệm và ngày 22/11/2021, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia có nhận mẫu kiểm nghiệm sản phẩm này. Tuy nhiên ngày 23/11/2021, **T** đã làm giả Phiếu kết quả kiểm nghiệm của sản phẩm trên bằng cách sử dụng bản phô tô phiếu kết quả kiểm nghiệm số 32393/PKN-VKNQG cấp ngày 20/10/2021 được Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia cấp cho sản phẩm “Goodlac Diabetex” cắt dán thay đổi phần tên mẫu từ “Goodlac Diabetex” thành “Premium ECSP”; cắt dán thay đổi phần số lô “28032021” thành “20102021”; cắt dán thay đổi phần mã số mẫu “10218645/DV.1” thành “10210945.DV”; cắt dán thay đổi phần mô tả mẫu “NSX 07/10/2021 – HSD 07/10/2024” thành “NSX 19/10/2021-HSD 19/10/2024”; cắt dán thay đổi phần ngày nhận mẫu “08/10/2021” thành “20/10/2021”; cắt dán thay đổi phần thời gian thử nghiệm “08/10/2021” thành “20/10/2021”, các nội dung khác giữ nguyên. Sau đó **T** phô tô lại thành Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 32393/PKN-VKNQG, ngày 20/10/2021 cho sản phẩm Premium ECSP và cùng ngày **T** mang chứng thực tại **UBND phường C, TP C, tỉnh Hải Dương**. Ngày 26/11/2021, **T** sử dụng Phiếu kết quả kiểm nghiệm giả trên đi nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm tại **Trung tâm D3** và kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Hưng Yên. Ngày 02/12/2021, **Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh H** cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm số 116/2021/ĐKSP. Trong khi đến ngày 06/12/2021,

Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia mới cấp Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 36431/PKN-VKNQG cho sản phẩm Premium ECSP.

5. Đối với tài liệu giả là Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 763/PKN-VKNQG, ngày 11/01/2022 tên mẫu “Sữa hạt Vimy Curcumin”. **T** có gửi mẫu qua đường bưu điện đến Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia để kiểm nghiệm và Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia nhận các mẫu kiểm nghiệm các sản phẩm trên vào ngày 01/3/2022. Tuy nhiên, ngày 24/02/2022, **T** đã làm giả phiếu kết quả kiểm nghiệm cho sản phẩm trên bằng cách sử dụng bản phôi tờ phiếu kết quả kiểm nghiệm số 763/PKN-VKNQG cấp ngày 11/01/2022 được Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia cấp cho sản phẩm “Colosmilk Curcumin” cắt dán thay đổi phần tên mẫu từ “Colosmilk Curcumin” thành “Sữa hạt Vimy C3”; cắt dán thay đổi phần kết quả các chỉ tiêu ở mục 9.4 từ “69,4” thành “52”; mục 9.5 từ “9,08” thành “6”; mục 9.6 từ “4,84” thành “4,5”; mục 9.7 từ “11,2” thành “5”; mục 9.8 từ “404” thành “375”, các nội dung khác giữ nguyên. Sau đó **T** phôi tờ lại thành Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 763/PKN-VKNQG, ngày 11/01/2022 tên mẫu “Sữa hạt Vimy Curcumin” và cùng ngày mang đi chứng thực tại UBND phường C, TP C, tỉnh Hải Dương. Ngày 28/02/2024, **T** sử dụng Phiếu kết quả kiểm nghiệm giả trên đi nộp hồ sơ đăng ký bản công sản phẩm tại Trung tâm D3 và kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Hưng Yên. Ngày 03/03/2022, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh H cấp giấy tiếp nhận đăng ký công bố sản phẩm số 54/2022/ĐKSP. Trong khi đến ngày 01/4/2022, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia mới cấp Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 7358/PKN-VKNQG cho sản phẩm “Sữa hạt Vimy Curcumin”.

6. Đối với tài liệu giả là Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39721/PKN-VKNQG, ngày 02/12/2021 tên mẫu “Sữa hạt Vimy Lux”: **T** có gửi mẫu qua đường bưu điện đến Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia để kiểm nghiệm và Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia nhận các mẫu kiểm nghiệm các sản phẩm trên vào ngày 01/3/2022. Tuy nhiên, ngày 24/02/2022, **T** đã làm giả phiếu kết quả kiểm nghiệm cho sản phẩm trên bằng cách sử dụng bản phôi tờ 01 phiếu kết quả kiểm nghiệm của một sản phẩm khác (*không xác định được số phiếu*) của Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia cấp cho sản phẩm khác (không xác định được tên sản phẩm) cắt dán thay đổi phần số của phiếu kết quả kiểm nghiệm và tên mẫu, ngoài ra không xác định được các nội dung thay đổi khác vì không xác định được **T** sử dụng Phiếu kết quả kiểm nghiệm của sản phẩm nào làm phiếu để chỉnh sửa. Sau đó **T** phôi tờ lại thành Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39721/PKN-VKNQG, ngày 02/12/2021 tên mẫu “Sữa hạt Vimy Lux” và cùng ngày mang đi chứng thực tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Ngày 28/02/2024, **T** sử dụng Phiếu kết

quả kiểm nghiệm giả trên đi nộp hồ sơ đăng ký bản công sản phẩm tại **Trung tâm D3** và kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Hưng Yên. Ngày 03/03/2022, **Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh H** cấp giấy tiếp nhận đăng ký công bố sản phẩm số 55/2022/ĐKSP. Trong khi đến ngày 01/4/2022, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia mới cấp Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 7357/PKN-VKNQG cho sản phẩm “Sữa hạt Vimy Lux”.

7. Đối với tài liệu giả là Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39744/PKN-VKNQG, ngày 02/12/2021 tên mẫu “Sữa hạt **Vimy C**”: **T** có gửi mẫu qua đường bưu điện đến Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia để kiểm nghiệm và Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia nhận các mẫu kiểm nghiệm các sản phẩm trên vào ngày 01/3/2022. Tuy nhiên, ngày 24/02/2022, **T** đã làm giả phiếu kết quả kiểm nghiệm cho sản phẩm trên bằng cách sử dụng bản phô tô phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39744/PKN-VKNQG cấp ngày 02/12/2021 được Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia cấp cho sản phẩm “Blood Good Milk” cắt dán thay đổi phần tên mẫu từ “Blood Good Milk” thành “Sữa hạt **Vimy C4 Nano**”; cắt dán thay đổi phần kết quả các chỉ tiêu ở mục 9.4 từ “67,5” thành “58”; mục 9.5 từ “11,5” thành “6,5”; mục 9.6 từ “5,18” thành “4,8”; mục 9.7 từ “13,1” thành “16”; mục 9.7 từ “426” thành “400”, các nội dung khác giữ nguyên. Sau đó **T** phô tô lại thành Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39744/PKN-VKNQG, ngày 02/12/2021, tên mẫu “Sữa hạt **Vimy Canxi N**” và cùng ngày mang đi chứng thực tại **UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương**. Ngày 28/02/2024, **T** sử dụng Phiếu kết quả kiểm nghiệm giả trên đi nộp hồ sơ đăng ký bản công sản phẩm tại **Trung tâm D3** và kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Hưng Yên. Ngày 03/03/2022, **Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh H** cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm số 53/2022/ĐKSP. Trong khi đến ngày 01/4/2022, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia mới cấp Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 7356/PKN-VKNQG cho sản phẩm “Sữa hạt **Vimy C**”.

8. Đối với tài liệu giả là Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39744/PKN-VKNQG, ngày 05/03/2022 tên mẫu “Smen 24/7”: Thu có gửi mẫu qua đường bưu điện đến Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia để kiểm nghiệm và Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia nhận mẫu kiểm nghiệm sản phẩm trên vào ngày 15/3/2022. Tuy nhiên, ngày 21/3/2022, **T** đã làm giả Phiếu kết quả kiểm nghiệm cho sản phẩm trên bằng cách sử dụng bản phô tô phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39744/PKN-VKNQG cấp ngày 02/12/2021 được Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia cấp cho sản phẩm “Blood Good Milk” cắt dán thay đổi phần tên mẫu từ “Blood Good Milk” thành “Smen 24/7”; cắt dán thay đổi phần số lô “20112021” thành “20022022”; cắt dán thay đổi phần mã số mẫu “112110287/DV” thành

“03221724/DV”; cắt dán thay đổi phần mô tả mẫu “NSX 20/11/2021-HSD 20/11/2022” thành “20/02/2022 – HSD 20/02/2025”; cắt dán thay đổi phần ngày nhận mẫu “22/11/2022” thành “22/02/2022”; cắt dán thay đổi phần thời gian thử nghiệm “22/11/2021-02/12/2021” thành “22/02/2022-02/03/2022”; cắt dán thay đổi phần kết quả các chỉ tiêu ở mục 9.4 từ “67,5” thành “68,1”; mục 9.5 từ “11,5” thành “11,2”; mục 9.6 từ “5,18” thành “5,16”; mục 9.7 từ “13,1” thành “8,5”; mục 9.8 từ “426” thành “400”; cắt dán thay đổi phần ngày tháng năm ban hành phiếu từ ngày “02” thành “05”; tháng “12” thành “03”; năm “2021” thành “2022”, các nội dung khác giữ nguyên. Sau đó **T** phô tô lại thành Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39744/PKN-VKNQG, ngày 05/03/2022 tên mẫu “Smen 24/7” và cùng ngày mang đi chứng thực tại UBND phường C, TP C, tỉnh Hải Dương. Ngày 24/3/2022, **T** sử dụng Phiếu kết quả kiểm nghiệm giả trên đi nộp hồ sơ đăng ký bản công sản phẩm tại Trung tâm D3 và kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Hưng Yên. Ngày 01/04/2022, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh H cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm số 80/2022/ĐKSP. Trong khi ngày 01/4/2022, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia mới cấp Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 7364/PKN-VKNQG cho sản phẩm “Smen 24/7”.

9. Đối với tài liệu giả là Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39744/PKN-VKNQG, ngày 05/03/2022 tên mẫu “W-Woman”: **T** có gửi mẫu qua đường bưu điện đến Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia để kiểm nghiệm và ngày 15/3/2022, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia nhận có mẫu kiểm nghiệm sản phẩm trên. Tuy nhiên, ngày 21/3/2022, **T** đã làm giả Phiếu kết quả kiểm nghiệm cho sản phẩm trên bằng cách sử dụng bản phô tô phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39744/PKN-VKNQG cấp ngày 02/12/2021 được Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia cấp cho sản phẩm “Blood Good Milk” cắt dán thay đổi phần tên mẫu từ “Blood Good Milk” thành “W-Woman”; cắt dán thay đổi phần số lô “20112021” thành “20022022”; cắt dán thay đổi phần mã số mẫu “112110287/DV” thành “03221724/DV”; cắt dán thay đổi phần mô tả mẫu “NSX 20/11/2021-HSD 20/11/2022” thành “20/02/2022 – HSD 20/02/2025”; cắt dán thay đổi phần ngày nhận mẫu “22/11/2022” thành “21/02/2022”; cắt dán thay đổi phần thời gian thử nghiệm “22/11/2021-02/12/2021” thành “22/02/2022-02/03/2022”; cắt dán thay đổi phần kết quả các chỉ tiêu ở mục 9.4 từ “67,5” thành “51,1”; mục 9.5 từ “11,5” thành “11,4”; mục 9.6 từ “5,18” thành “5,03”; mục 9.7 từ “13,1” thành “9”; cắt dán thay đổi phần ngày tháng năm ban hành phiếu từ ngày “02” thành “05”; tháng “12” thành “03”; năm “2021” thành “2022”, các nội dung khác giữ nguyên. Sau đó **T** phô tô lại thành Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39744/PKN-VKNQG, ngày 05/03/2022 tên mẫu “W-Woman” và cùng ngày mang đi chứng thực tại UBND phường C, TP C, tỉnh Hải Dương. Ngày 24/3/2022, **T** sử dụng

Phiếu kết quả kiểm nghiệm giả trên đi nộp hồ sơ đăng ký bản công sản phẩm tại Trung tâm D3 và kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Hưng Yên. Ngày 01/04/2022, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh H cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm số 81/2022/ĐKSP. Trong khi ngày 01/4/2022, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia mới cấp Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 7364/PKN-VKNQG cho sản phẩm “W-Woman”.

10. Đối với tài liệu giả là Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 763/PKN-VKNQG, ngày 11/01/2022 tên mẫu “Sữa hạt Vimy Diabet”: T khai có gửi mẫu kiểm nghiệm, tuy nhiên Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia trả lời: “Viện không nhận mẫu có tên “Sữa hạt Vimy Diabet”. Ngày 22/3/2022, T làm giả Phiếu kết quả kiểm nghiệm của sản phẩm trên bằng cách sử dụng bản phô tô phiếu kết quả kiểm nghiệm số 763/PKN-VKNQG cấp ngày 11/01/2022 được Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia cấp cho sản phẩm “Colosmilk Curcumin” cắt dán thay đổi phần tên mẫu từ “Colosmilk Curcumin” thành “Sữa hạt Vimy D”; cắt dán thay đổi phần kết quả các chỉ tiêu ở mục 9.4 từ “69,4” thành “54”; mục 9.5 từ “9,08” thành “6”; mục 9.6 từ “4,84” thành “5,5”; mục 9.7 từ “11,2” thành “5”; mục 9.8 từ “404” thành “390”, các nội dung khác giữ nguyên. Sau đó T phô tô lại thành Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 763/PKN-VKNQG, ngày 11/01/2022 tên mẫu “Sữa hạt Vimy Diabet” và cùng ngày mang đi chứng thực tại UBND phường C, TP C, tỉnh Hải Dương. Ngày 24/3/2022, T sử dụng Phiếu kết quả kiểm nghiệm giả trên đi nộp hồ sơ đăng ký bản công sản phẩm tại Trung tâm D3 và kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Hưng Yên. Ngày 01/04/2022, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh H cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm số 75/2022/ĐKSP.

11. Đối với tài liệu giả là Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 7356/PKN-VKNQG, ngày 01/04/2022 tên mẫu “Sữa hạt Vimy S”: T có gửi mẫu qua đường bưu điện đến Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia để kiểm nghiệm và ngày 13/4/2022, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia nhận mẫu kiểm nghiệm sản phẩm trên. Tuy nhiên, ngày 13/4/2022, T đã làm giả Phiếu kết quả kiểm nghiệm của sản phẩm nêu trên bằng cách sử dụng bản phô tô phiếu kết quả kiểm nghiệm số 7356/PKN-VKNQG cấp ngày 01/04/2022 được Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia cấp cho sản phẩm “Sữa Hạt Vimy Canxinano” cắt dán thay đổi phần tên mẫu từ “Sữa Hạt Vimy Canxinano” thành “Sữa hạt Vimy Sure Plus”, các nội dung khác giữ nguyên. Sau đó T phô tô lại thành Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 7356/PKN-VKNQG, ngày 01/04/2022 tên mẫu “Sữa hạt Vimy Sure Plus” và cùng ngày mang đi chứng thực tại UBND phường C, TP C, tỉnh Hải Dương. Ngày 18/4/2022, T sử dụng Phiếu kết quả kiểm nghiệm giả trên đi nộp hồ sơ đăng ký bản công sản phẩm tại Trung tâm D3 và kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Hưng Yên. Ngày

20/04/2022, **Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh H** cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm số 118/2022/ĐKSP. Trong khi ngày 21/4/2022, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia mới cấp Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9429/PKN-VKNQG cho sản phẩm “Sữa hạt **Vimy S**”.

12. Đối với tài liệu giả là phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39744/PKN-VKNQG ngày 05/3/2022 tên mẫu là “Sữa thực vật **Enzym Milk O**”: **T** có gửi mẫu qua đường bưu điện đến Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia để kiểm nghiệm với tên mẫu là **Enzym Milk O** và Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia nhận mẫu kiểm nghiệm sản phẩm trên vào ngày 15/3/2022. Tuy nhiên, khi chưa nhận được Phiếu kết quả kiểm nghiệm, ngày 24/3/2022, **T** đã nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm cho sản phẩm trên (sử dụng Phiếu kết quả kiểm nghiệm photo đóng dấu của công ty), sau đó bị Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên phát hiện và yêu cầu nộp thay thế Phiếu kết quả kiểm nghiệm bản chính hoặc bản sao chứng thực. **T** khai do khách muốn thêm chữ “Sữa thực vật” vào tên sản phẩm mà việc gửi văn bản đề nghị thay đổi tên mẫu đã kiểm nghiệm đến Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia mất nhiều thời gian, nên ngày 13/4/2022, **T** đã làm giả Phiếu kết quả kiểm nghiệm của sản phẩm nêu trên bằng cách sử dụng bản phô tô phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39744/PKN-VKNQG cấp ngày 02/12/2021 được Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia cấp cho sản phẩm “Blood Good Milk” cắt dán thay đổi phần tên mẫu từ “Blood Good Milk” thành “Sữa thực vật **Enzym Milk O**”; cắt dán thay đổi phần “Số lô: 20112021” thành “Số lô: 20022022”; cắt dán thay đổi phần mã số mẫu từ “112110287/DV” thành “03221724/DV”; cắt dán thay đổi phần mô tả mẫu từ “NSX: 20/11/2021 – HSD: 20/11/2022” thành “NSX:20/02/2022 – HSD: 20/02/2025”; cắt dán thay đổi phần ngày nhận mẫu từ “22/11/2021” thành “21/02/2022”; cắt dán thay đổi phần thời gian thử nghiệm từ “22/11/2021-02/12/2021” thành “22/02/2022-02/3/2022”; cắt dán thay đổi phần kết quả các chỉ tiêu ở mục 9.4 từ “67,5” thành “58”; mục 9.5 từ “11,5” thành “6,5”; mục 9.6 từ “5,18” thành “4,8”; mục 9.7 từ “13,1” thành “65”; mục 9.8 từ “426” thành “400”; cắt dán thay đổi phần ngày “02” tháng “12” năm “2021” thành ngày “05” tháng “03” năm “2022”, ngoài ra không thay đổi nội dung nào khác. Sau đó **T** phô tô lại thành Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39744/PKN-VKNQG ngày 05/3/2022 tên mẫu là “Sữa thực vật **Enzym Milk O**” và cùng ngày mang đi chứng thực tại **UBND phường C, TP C, tỉnh Hải Dương**. Sau đó, **T** sử dụng Phiếu kết quả kiểm nghiệm giả trên nộp thay thế vào hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm. Ngày 01/04/2022, **Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh H** cấp giấy tiếp nhận đăng ký công bố sản phẩm số 76/2022/ĐKSP. Trong khi ngày 01/4/2022, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh

thực phẩm quốc gia mới cấp Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 7363/PKN-VKNQG cho sản phẩm “Enzym Milk Organic”.

13. Đối với 05 tài liệu giả là Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9430/PKN-VKNQG, ngày 21/04/2022 tên mẫu “G”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9434/PKN-VKNQG, ngày 21/04/2022 tên mẫu “G1”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9432/PKN-VKNQG, ngày 21/04/2022 tên mẫu “Colos Fami”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9433/PKN-VKNQG, ngày 21/04/2022 tên mẫu “G2”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9431/PKN-VKNQG, ngày 21/04/2022 tên mẫu “Gold Lifes Baby”:

Ngày 08/4/2022, Nguyễn Trung V nhắn tin chỉ đạo T gửi kiểm nghiệm 05 sản phẩm có tên là: *Gold life clostrum (sữa non tăng cường Kháng thể cho người từ 2 tuổi trở lên)*; *Gold life men (tăng cường sinh lý nam)*; G (sữa làm đẹp cho nữ); G3 (sữa trẻ em 1-18 tuổi); G4 (sữa tiểu đường). T đã gửi mẫu kiểm nghiệm các sản phẩm trên với đúng tên sản phẩm như V chỉ đạo và ngày 13/4/2022, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia nhận mẫu kiểm nghiệm các sản phẩm trên. Ngày 21/4/2022, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia đã cấp phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9430/PKN-VKNQG cho sản phẩm “Gold Life Collagen”; số 9434/PKN-VKNQG cho sản phẩm “Gold Life Men”; số 9432/PKN-VKNQG cấp cho sản phẩm “Gold Life Diabitex”; 9433/PKN-VKNQG cho sản phẩm “Gold Life Grow”; số 9431/PKN-VKNQG cho sản phẩm “Gold Life Colostrum”. Tuy nhiên, sau khi nhận được các Phiếu kết quả kiểm nghiệm, T thông báo cho V và khách hàng thì mới biết tên sản phẩm đã gửi mẫu đi kiểm nghiệm không đúng với tên sản phẩm khách hàng yêu cầu. T khai do việc làm thủ tục thay đổi tên mẫu sau khi đã gửi kiểm nghiệm mất thời gian nên sau đó, V trực tiếp chỉ đạo T làm giả các phiếu kết quả kiểm nghiệm để sửa lại tên sản phẩm theo đúng yêu cầu của khách hàng và T đã làm giả 05 phiếu kết quả kiểm nghiệm trên bằng cách cắt, dán thay tên sản phẩm rồi photo lại và đem đi chứng thực tại UBND phường C vào ngày 10/5/2022. Cụ thể:

Từ phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9430/PKN-VKNQG cấp ngày 21/04/2022 được Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia cấp cho sản phẩm “Gold Life Collagen”, T cắt dán thay đổi phần tên mẫu từ “Gold Life Collagen” thành “Gold Lifes Women Collagen”. Các nội dung khác giữ nguyên.

Từ phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9434/PKN-VKNQG cấp ngày 21/04/2022 được Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia cấp cho sản phẩm “Gold Life Men” cắt dán thay đổi phần tên mẫu từ “Gold Life Men” thành “Gold Lifes Men”. Các nội dung khác giữ nguyên.

Từ phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9432/PKN-VKNQG cấp ngày 21/04/2022 được Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia cấp cho sản phẩm “Gold Life Diabitetx” cắt dán thay đổi phần tên mẫu từ “Gold Life Diabitetx” thành “Colos Fami”. Các nội dung khác giữ nguyên.

Từ phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9433/PKN-VKNQG cấp ngày 21/04/2022 được Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia cấp cho sản phẩm “Gold Life Grow” cắt dán thay đổi phần tên mẫu từ “Gold Life Grow” thành “Gold Lifes Growth”. Các nội dung khác giữ nguyên.

Từ phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9431/PKN-VKNQG cấp ngày 21/04/2022 được Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia cấp cho sản phẩm “Gold Life Colostrum” cắt dán thay đổi phần tên mẫu từ “Gold Life Colostrum” thành “Gold Lifes Baby”. Các nội dung khác giữ nguyên.

Ngày 12/5/2022, **T** nộp hồ sơ đăng ký bản công bố cho các sản phẩm nêu trên tại Trung tâm dịch vụ hành chính công và kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Hưng Yên. Ngày 23/5/2022, **Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh H** cấp giấy tiếp nhận đăng ký công bố sản phẩm số 144, 145, 146, 147, 148/2022/ĐKSP cho 05 sản phẩm trên.

14. Đối với tài liệu giả là Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 3954/PKN-VKNQG, ngày 05/07/2022 tên mẫu “Sữa hạt **Vimy N**”: **T** có gửi mẫu qua đường bưu điện đến Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia để kiểm nghiệm và ngày 02/7/2022, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia nhận các mẫu kiểm nghiệm sản phẩm trên. Tuy nhiên, khi chưa nhận được Phiếu kết quả kiểm nghiệm, ngày 06/7/2022, **T** đã nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm cho sản phẩm trên (sử dụng Phiếu kết quả kiểm nghiệm photo đóng dấu của công ty), sau đó bị Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên phát hiện và yêu cầu nộp thay thế Phiếu kết quả kiểm nghiệm bản chính hoặc bản sao chứng thực. Ngày 13/7/2022, **T** làm giả Phiếu kết quả kiểm nghiệm cho sản phẩm trên bằng cách sử dụng bản phô tô 01 phiếu kết quả kiểm nghiệm của một sản phẩm khác (không xác định được số phiếu) của Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia cấp cho sản phẩm khác (không xác định được tên sản phẩm) cắt dán thay đổi phần số của phiếu kết quả kiểm nghiệm và tên mẫu, ngoài ra không xác định được các nội dung thay đổi khác vì không xác định được **T** sử dụng Phiếu kết quả kiểm nghiệm của sản phẩm nào làm phiếu để chỉnh sửa. Sau đó **T** phô tô lại thành Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 3954/PKN-VKNQG, ngày 05/07/2022 tên mẫu “Sữa hạt Vimy Nano Curcumin” và cùng ngày mang đi chứng thực tại **UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương**. Sau đó, **T** sử dụng Phiếu kết quả kiểm nghiệm giả trên nộp thay thế vào hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm tại Trung tâm dịch vụ hành chính công và kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Hưng Yên. Ngày 13/7/2022, **Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh**

H cấp giấy tiếp nhận đăng ký công bố sản phẩm số 166/2022/ĐKSP. Trong khi ngày 18/7/2022, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia mới cấp Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9429/PKN-VKNQG cho sản phẩm “Sữa hạt Vimy N”.

Tại các bản kết luận giám định số 118/KL-KTHS ngày 31/7/2023 và bản kết luận giám định số 284/KL-KTHS ngày 06/11/2023, Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D xã Đ” trên mẫu giám định là Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 25554/PKN-VKNQG ngày 31/8/2021 của Viện kiểm nghiệm An toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia, có hình dấu UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương chứng thực bản sao đúng với bản chính, ngày 20-09-2021, người ký: Phó chủ tịch: Ngô Chí Hiếu, là do con dấu của UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương đóng ra; chữ ký đứng tên Phó chủ tịch Ngô Chí H1 và dấu chức danh đứng tên Phó chủ tịch Ngô Chí H1 trên mẫu giám định trên là do ông Ngô Chí H1, Phó chủ tịch UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương ký ra và do con dấu chức danh của ông H1 đóng ra.

- Hình dấu có nội dung “Chứng thực bản sao đúng với bản chính, UBNDP. Cộng Hòa - TP. - T.Hải Dương” trên mẫu giám định là Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39744/PKN-VKNQG ngày 05/3/2022 của Viện kiểm nghiệm An toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia, có hình dấu UBND phường C - TP C, tỉnh Hải Dương chứng thực bản sao đúng với bản chính, ngày 13-04-2022, người ký: Phó chủ tịch: Nguyễn Quang D1, là do dấu chứng thực của UBND phường C, TP C, tỉnh Hải Dương đóng ra; chữ ký đứng tên Phó chủ tịch Nguyễn Quang D1 và dấu chức danh đứng tên KT. Chủ tịch - Phó chủ tịch Nguyễn Quang D1 trên mẫu giám định trên, là do ông Nguyễn Quang D1, phó chủ tịch UBND phường C, TP C, tỉnh Hải Dương ký ra và do con dấu chức danh của ông D1 đóng ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D XÃ ĐỒNG LẠC H. NAM SÁCH T. HẢI DƯƠNG” trên các mẫu giám định là Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 25554/PKN-VKNQG, ngày 31/8/2021; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39744/PKN-VKNQG, ngày 02/12/2021; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 763/PKN-VKNQG, ngày 11/01/2022; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39721/PKN-VKNQG, ngày 02/12/2021 của Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc Gia, có dấu chứng thực bản sao đúng với bản chính (dấu đỏ) của UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương do ông Ngô Chí D2 ký chứng thực, là do con dấu của UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương đóng ra; chữ ký đứng tên Chủ tịch Ngô Chí D2 trên các mẫu giám định trên, có dấu chứng thực bản sao đúng với bản chính (dấu đỏ) của UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương đề tên ông Ngô Chí D2 ký chứng thực do ông Ngô Chí D2, Chủ tịch UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D phường C5.Hải Dương” trên các mẫu giám định là Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 32393/PKN-VKNQG, ngày 20/10/2021; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 32393/PKN-VKNQG, ngày 20/10/2021; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39744/PKN-VKNQG, ngày 05/03/2022; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39744/PKN-VKNQG, ngày 05/03/2022; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 763/PKN-VKNQG, ngày 11/01/2022; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9430/PKN-VKNQG, ngày 21/04/2022; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9431/PKN-VKNQG, ngày 21/04/2022; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9433/PKN-VKNQG, ngày 21/04/2022; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9434/PKN-VKNQG, ngày 21/04/2022; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9432/PKN-VKNQG, ngày 21/04/2022; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 3954/PKN-VKNQG, ngày 05/07/2022; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 7356/PKN-VKNQG, ngày 01/04/2022 là do con dấu của UBND phường C, TP C, tỉnh Hải Dương đóng ra; chữ ký đứng tên Phó chủ tịch Hoàng Công H2 và chữ ký đứng tên Phó chủ tịch Nguyễn Quang D1 trên các mẫu cần giám định trên, có dấu chứng thực bản sao đúng với bản chính (dấu đỏ) của UBND phường C, TP C, tỉnh Hải Dương là do ông Hoàng Công H3 và ông Nguyễn Quang D1, Phó chủ tịch UBND phường C, TP C, tỉnh Hải Dương ký ra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 37/2024/HS- ST ngày 16/4/2024, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã căn cứ: điểm b khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 293; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Minh T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Minh T 25 (Hai mươi lăm) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 37 (Ba mươi bảy) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của hai tội là 62 (Sáu mươi hai) tháng tù giam, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 23/8/2023, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19/4/2024, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xuất trình thêm tài liệu mới là Công văn của Công an thành phố C xác định bị cáo tích cực khai báo các nội dung liên quan đến hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả tại công ty cổ phần S1, làm căn cứ để khởi tố vụ án “Sản xuất hàng giả là thực phẩm”; đồng thời xuất trình biên lai nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm của bị cáo

T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo **T** bổ sung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo **T** làm giả và sử dụng giấy tờ giả chỉ nhằm một mục đích là sớm được đăng ký bản công bố sản phẩm, giúp cho việc sản xuất sữa nhanh chóng, phục vụ nhân dân thời kỳ dịch bệnh covid và tạo việc làm cho công nhân; bị cáo phạm tội do thiếu hiểu biết chứ không được hưởng lợi ích vật chất gì từ việc làm và sử dụng tài liệu giả này. Hiện tại hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, vợ chồng ly thân nhau, các con còn nhỏ và đang ở cùng ông bà ngoại già yếu. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh về hình phạt theo hướng xử phạt bị cáo 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về “Tội làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo trong thời gian luật định, là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo **Đỗ Minh T** thấy rằng: Lời khai của bị cáo **T** tại phiên tòa phúc thẩm xác định đúng là bị cáo đã thực hiện các hành vi như bản án sơ thẩm đã nêu. Tuy nhiên, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không vì mục đích tư lợi, bị cáo không được hưởng lợi ích vật chất gì mà chỉ mong muốn được đăng ký công bố sản phẩm sớm, để có thể sản xuất hàng hóa (sữa, thực phẩm chức năng...) phục vụ nhân dân trong giai đoạn dịch bệnh covid 19, tạo việc làm cho công nhân nhà máy nên đã thực hiện làm giả phiếu kết quả kiểm nghiệm của Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm và sử dụng giấy tờ giả này. Sau đó, Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm cũng đã gửi phiếu kết quả kiểm nghiệm cho những sản phẩm mà bị cáo làm giả phiếu kết quả trước đó về. Do đó, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Lời khai của bị cáo **T** tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan

điều tra và phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên HĐXX có đủ căn cứ kết luận: Trong thời gian từ tháng 9/2021 đến tháng 7/2022, tại phòng Kế toán của chi nhánh Công ty S1 tại Hải Dương, Nhà máy H5, địa chỉ: K, QL18 phường C, TP C, tỉnh Hải Dương, Đỗ Minh T có hành vi sử dụng bản phô tô Phiếu kết quả kiểm nghiệm chuẩn của Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia, cắt, dán, chỉnh sửa một số thông tin trên Phiếu kết quả kiểm nghiệm rồi đem đi chứng thực tại UBND xã Đ, huyện N và UBND phường C, thành phố C để làm giả 18 Phiếu kết quả kiểm nghiệm của Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc gia, gồm: Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 25554/PKN-VKNQG ngày 31/8/2021, tên mẫu “The Beautiful Life sữa non”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 25554/PKN-VKNQG, ngày 31/8/2021 tên mẫu “Ossa Plus”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 32393/PKN-VKNQG, ngày 20/10/2021 tên mẫu “Hi Sắc Xuân Collagen”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 32393/PKN-VKNQG, ngày 20/10/2021 tên mẫu “Premium ECSP”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 763/PKN-VKNQG, ngày 11/01/2022 tên mẫu “Sữa hạt Vimy Curcumin”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39721/PKN-VKNQG, ngày 02/12/2021 tên mẫu “Sữa hạt Vimy Lux”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39744/PKN-VKNQG, ngày 02/12/2021 tên mẫu “Sữa hạt Vimy Canxi N”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39744/PKN-VKNQG, ngày 05/03/2022 tên mẫu “Smen 24/7”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39744/PKN-VKNQG, ngày 05/03/2022 tên mẫu “W-Woman”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 763/PKN-VKNQG, ngày 11/01/2022 tên mẫu “Sữa hạt Vimy Diabet”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 7356/PKN-VKNQG, ngày 01/04/2022 tên mẫu “Sữa hạt Vimy S Plus”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 39744/PKN-VKNQG ngày 05/3/2022 tên mẫu là “Sữa thực vật Enzym Milk O”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9430/PKN-VKNQG, ngày 21/04/2022 tên mẫu “G”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9434/PKN-VKNQG, ngày 21/04/2022 tên mẫu “G1”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9432/PKN-VKNQG, ngày 21/04/2022 tên mẫu “Colos Fami”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9433/PKN-VKNQG, ngày 21/04/2022 tên mẫu “G2”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 9431/PKN-VKNQG, ngày 21/04/2022 tên mẫu “G5”; Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 3954/PKN-VKNQG, ngày 05/07/2022 tên mẫu “Sữa hạt Vimy N”.

[3] Từ ngày 17/9/2021 đến ngày 06/7/2022, Đỗ Minh T đã 09 lần sử dụng các Phiếu kết quả kiểm nghiệm đã làm giả để cho vào hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm nộp tại Trung tâm D3 và kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Hưng Yên. Sau đó, Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh H đã cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm cho các sản phẩm có Phiếu kết quả kiểm nghiệm bị làm giả nêu trên.

[4] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã làm giả 18 Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc gia và 09 lần mang các phiếu này để nộp tại cơ quan nhà nước (Trung tâm D3 và kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Hưng Yên), nhằm một mục đích được cơ quan nhà nước cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm cho công ty và cho khách hàng. Như vậy, hành vi làm giả và sử dụng giấy tờ giả của bị cáo T là chuỗi hành vi liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian, được quy định trong cùng một điều luật (Điều 341 Bộ luật hình sự), xâm phạm cùng một khách thể là trật tự quản lý hành chính của Nhà nước về giấy tờ, tài liệu. Theo hướng dẫn tại Công văn số 233/TANDTC-PC ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo T phạm tội “làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, tội sử dụng tài liệu giả cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự và chịu một mức hình phạt. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đỗ Minh T về hai tội độc lập là “tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và quyết định hai mức hình phạt là làm bất lợi cho bị cáo nên cần sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

[5] Đối với nội dung kháng cáo xin hưởng án treo, HĐXX thấy rằng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tích cực tham gia công tác từ thiện và phòng chống dịch Covid-19; gia đình có ông nội, ông ngoại tham gia cách mạng và là người có công với đất nước. Do vậy, cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, người bào chữa cho bị cáo xuất trình thêm tài liệu là Công văn số 736 ngày 10/7/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã C, trong đó cơ quan công an xác định bị cáo T tích cực khai báo các nội dung liên quan đến hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm của Nguyễn Trung V, làm căn cứ để cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C ra quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Trung V; ngoài ra bị cáo còn xuất trình thêm biên lai thể hiện bị cáo đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm, thể hiện bị cáo đã thực sự ăn năn, hối cải nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn (vợ chồng ly thân nhau, bị cáo trực tiếp nuôi hai con nhỏ) nên không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự,

an toàn xã hội. Vì vậy, HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo **T**, cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

[7] Kháng cáo của bị cáo **T** được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX không xem xét, do đó có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Đỗ Minh T**, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 37/2024/HS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đối với bị cáo **Đỗ Minh T**;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự;

1.1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Đỗ Minh T** phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1.2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Đỗ Minh T** 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, 28/8/2024.

Trả tự do cho bị cáo **Đỗ Minh T** tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo **Đỗ Minh T** cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo **Đỗ Minh T** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án, ngày 28/8/2024.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh HD;
- Phòng HSNV-CA tỉnh HD;
- TAND thành phố Chí Linh;
- Công an thành phố Chí Linh;
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Lưu Tòa.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu